

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**

**LÊ THỊ PH- ƠNG THẢO**

**CHẾ ĐỊNH VỀ TH- ƠNG NHÂN Ở VIỆT NAM**

**Chuyên ngành : LUẬT KINH TẾ**

**Mã số: 60 38 01 07**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI - 2016**

Công trình đ- ọc hoàn thành tại  
Khoa Luật - Đại học quốc gia Hà Nội

Cán bộ h- ớng dẫn khoa học: PGS. TS. Ngô Huy C- ờng

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn đ- ọc bảo vệ tại hội đồng chấm luận văn, họp tại Khoa  
Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi .....giờ.....ngày.....tháng.....năm 20....

**Có thể tìm hiểu luận văn tại**

**Trung tâm t- liệu Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Trung tâm thông tin -Th- viện Đại học Quốc gia Hà  
Nội**

## **MỤC LỤC**

**Trang phụ bìa**

**Lời cam đoan**

**Mục lục**

**LỜI CAM ĐOAN**

**PHẦN MỞ ĐẦU ..... 3**

**CHƯƠNG I..... 6**

**NHẬN THỨC CHUNG VỀ THƯƠNG NHÂN ..... 6**

**1.1. Khái niệm và đặc điểm của th- ơng nhân ..... 6**

**1.1.1. Khái niệm về th- ơng nhân ..... 6**

**1.1.2. Đặc điểm về th- ơng nhân..... 17**

**1.2. L- ọc sử phát triển pháp luật về th- ơng nhân ..... 18**

**1.3. Chức năng của pháp luật về th- ơng nhân..... 21**

**1.4. Phân loại th- ơng nhân ..... 24**

**1.4.1. Th- ơng nhân thể nhân..... 26**

**1.4.2. Th- ơng nhân pháp nhân ..... 31**

**1.4.2.1 Công ty ..... 40**

**CHƯƠNG II..... 48**

**CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ THƯƠNG**

**NHÂN ..... 48**

**2.1 Các loại hình th- ơng nhân cụ thể của n- ớc ta hiện nay..... 48**

**2.1.1 Cá nhân là th- ơng nhân..... 48**

2.1.2 Hộ gia đình là th- ơng nhân .....	51
2.1.3 Pháp nhân là th- ơng nhân.....	55
2.1.4 Tổ hợp tác.....	61
2.2 Quy chế pháp lý cơ bản của th- ơng nhân .....	67
2.2.1 Đăng ký kinh doanh .....	67
2.2.2 Trách nhiệm của th- ơng nhân .....	69
2.2.3 Quyền của th- ơng nhân .....	74
2.2.4 Tạm ngừng hoạt động th- ơng mại.....	75
2.2.5 Chấm dứt hoạt động và xóa tên đăng ký kinh doanh .....	75
<b>CHƯƠNG III .....</b>	<b>82</b>
<b>NHỮNG BẤT CẬP, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TH- ƠNG NHÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY .....</b>	<b>82</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>102</b>

# PHÂN MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài.

Pháp luật về kinh tế đã góp một vai trò rất quan trọng trong việc tạo hành lang pháp lý cho sự phát triển ổn định và bền vững của các quan hệ kinh tế.

Trong hệ thống pháp luật về kinh tế, Luật thương mại và Luật Doanh nghiệp là những văn bản pháp luật quan trọng nhất. Luật Thương mại ra đời từ năm 1997 và Luật Doanh nghiệp 1995 là những cơ sở pháp lý đầu tiên điều chỉnh mọi quan hệ phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại của Việt Nam. Chủ thể cơ bản chịu sự điều chỉnh của luật thương mại chính là các thương nhân.

Tuy nhiên, trong quá trình thực thi pháp luật các văn bản này đã bộc lộ nhiều hạn chế và thiếu sót, cần điều chỉnh để giải quyết hết mọi vấn đề phát sinh trong đời sống kinh tế thực tế, đặc biệt là những quy định về chế độ thương nhân.

Xuất phát từ nhận thức trên, tôi mạnh dạn chọn đề tài: “*Chế độ về Thương nhân ở Việt Nam*”.

## 2. Mục đích nghiên cứu.

Trên cơ sở phân tích, nghiên cứu pháp luật về thương nhân, luận văn rút ra một số kết luận và kiến nghị nhằm góp phần xây dựng và hoàn thiện hơn các quy định pháp luật về thương nhân.

## 3. Phương pháp nghiên cứu.

Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp để giải quyết các vấn đề đặt ra.

## 4. Tính mới của khoá luận.

- Phân tích để tìm ra một cách logic pháp luật về thương nhân, cũng như đưa ra được các chức năng cơ bản của nó.

- Phân tích các quy định pháp luật về th-ong nhân ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay
- Rút ra một số kết luận và định h-ớng hoàn thiện các quy định pháp luật về th-ong nhân ở Việt Nam.

## **5. Cấu trúc của khoá luận.**

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, khoá luận đ-ợc cấu trúc bao gồm ba ch-ong:

*Ch-ong I : Nhận thức chung về th-ong nhân.*

*Ch-ong II : Các quy định pháp luật Việt Nam về th-ong nhân.*

*Ch-ong III : Một số bất cập và định h-ớng hoàn thiện các quy định pháp luật về th-ong nhân.*

## CH- ONG I

### NHẬN THỨC CHUNG VỀ TH- ONG NHÂN

#### 1.1 Khái niệm và đặc điểm về th- ong nhân

##### 1.1.1 Khái niệm về th- ong nhân

Bộ luật Th- ong mại Pháp 1807

Bộ luật th- ong mại Hoa Kỳ (UCC 1990)

Bộ luật Th- ong mại Đức

Luật Th- ong mại Việt Nam 2005 : “ Th- ong nhân bao gồm tổ chức kinh tế đ- ợc thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động th- ong mại một cách độc lập, th- ờng xuyên và có đăng ký kinh doanh.”

##### 1.1.2 Đặc điểm về th- ong nhân

**Một là, th- ong nhân là những ng- ời thực hiện các hành vi th- ong mại mang tính chất nghề nghiệp.**

**Hai là, cũng giống nh- bất kỳ một chủ thể nào khác, th- ong nhân tham gia các hoạt động th- ong mại là nhằm mục đích sinh lời.**

**Ba là, Th- ong nhân là ng- ời chịu trách nhiệm trực tiếp đối với các hành vi th- ong mại mà mình thực hiện.**

**Bốn là, th- ong nhân đ- ợc hiểu ở đây có thể là th- ong gia thể nhân hoặc th- ong gia pháp nhân.**

#### 1.2 L- ợc sử phát triển pháp luật về th- ong nhân

- L- ợc sử phát triển pháp luật về th- ong nhân của các n- ớc trên thế giới

- L- ọc sử phát triển pháp luật về th- ơng nhân của Việt Nam.

### **1.3. Chức năng của pháp luật về th- ơng nhân.**

- Tạo ra khuôn khổ pháp lý quan trọng ban đầu cho sự ra đời của các loại hình th- ơng nhân - chủ thể chính của pháp luật th- ơng mại.
- Các quy định pháp luật này đã tạo lập cơ sở pháp lý và căn cứ thực tế cho việc thực hiện sự kiểm soát của Nhà n- ớc đối với hoạt động của các th- ơng nhân, cũng nh- diễn biến của nền kinh tế nói chung
- Các quy định pháp luật về th- ơng nhân còn là cơ sở cho việc thực hiện các dự định hoặc kế hoạch.
- Các quy định pháp luật th- ơng mại nói chung và pháp luật về th- ơng nhân nói riêng còn là tiền đề cho sự phát triển thị tr- ờng hàng hoá và dịch vụ pháp luật về th- ơng mại; mở rộng giao l- u th- ơng mại với n- ớc ngoài

### **1.4. Phân loại th- ơng nhân**

Có thể có nhiều cách thức phân loại th- ơng nhân khác nhau tùy thuộc vào mục đích của sự phân loại.

- Xét từ việc đăng ký th- ơng nhân, ng- ời ta có thể chia th- ơng nhân thành: th- ơng nhân có t- cách đầy đủ (có nghĩa là th- ơng nhân có nghĩa vụ đăng ký kinh doanh); th- ơng nhân khuyết t- cách.
- Xét từ việc có cơ sở kinh doanh hay không, ng- ời ta có thể chia th- ơng nhân thành: th- ơng nhân có cơ sở kinh doanh; và th- ơng nhân không có cơ sở kinh doanh.
- Xét từ quốc tịch, ng- ời ta có thể chia th- ơng nhân thành: th- ơng nhân trong n- ớc và th- ơng nhân n- ớc ngoài.
- Xét từ xuất xứ của nguồn vốn đầu t- , ng- ời ta có thể chia th- ơng nhân thành: th- ơng nhân có vốn đầu t- trong n- ớc; và th- ơng nhân có vốn đầu t- n- ớc ngoài.



- Xét từ việc có thực hiện nghĩa vụ đăng ký kinh doanh hay không, ng-ời ta có thể chia th-ong nhân thành: th-ong nhân hợp pháp và th-ong nhân thực tế.

- Xét từ nghề nghiệp hay ngành nghề kinh doanh của th-ong nhân, ng-ời ta có thể chia th-ong nhân thành: th-ong nhân hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, th-ong nhân hoạt động trong lĩnh vực l-u thông, và th-ong nhân hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ.

Nh- vậy, có rất nhiều cách để phân loại th-ong nhân. Tuy nhiên, chất lọc luật thực định của quốc gia và phân tích đời sống th-ong mại thực tế thì có thể chia th-ong nhân thành hai loại cơ bản là th-ong nhân thể nhân và th-ong nhân pháp nhân.

### **1.4.1 Th-ong nhân thể nhân**

#### **1.4.1.1 Khái niệm th-ong nhân thể nhân**

*Th-ong nhân thể nhân có thể đ-ợc hiểu là một cá nhân tiến hành các hoạt động th-ong mại, hoạt động kinh doanh riêng lẻ, cá thể, nhân danh mình, bằng tài sản của mình và lấy các hành vi th-ong mại đó là nghề nghiệp của mình d-ới hình thức chủ sở hữu cá thể duy nhất.*

#### **1.4.1.2 Điều kiện trở thành th-ong nhân thể nhân**

- Ở Hoa kỳ
- Ở Pháp
- Ở Đức
- Ở Việt Nam

Nhìn chung, pháp luật của các quốc gia đều có quy định th-ong nhân thể nhân phải có đầy đủ năng lực tr-ớc khi trở thành th-ong nhân nh-

- Phải đạt đến một độ tuổi nhất định,
- Có năng lực hành vi dân sự và
- Không bị pháp luật cấm hành nghề.

## **1.4.2 Th- ong nhân pháp nhân**

### **1.4.2.1 Khái niệm th- ong nhân pháp nhân**

Th- ong nhân pháp nhân là một loại tổ chức có t- cách pháp nhân, do đó để hiểu thế nào là th- ong nhân pháp nhân ta cần tìm hiểu khái niệm về pháp nhân và các vấn đề khác về loại chủ thể đ- ọc gọi là Pháp nhân. Là 1 pháp nhân, th- ong nhân pháp nhân cần có đủ các dấu hiệu cần có của một tổ chức để đ- ọc công nhận là pháp nhân:

- Pháp nhân tồn tại độc lập với sự tồn tại của các thành viên tham gia.
  - Pháp nhân có tài sản riêng, độc lập với tài sản của các thành viên.
  - Pháp nhân có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt thuộc sở hữu của mình và thực hiện những hành vi pháp lý nhân danh mình.
- Có thể trở thành nguyên đơn hay bị đơn tr- ớc toà án.
- Chịu trách nhiệm độc lập với tài sản của các thành viên.

#### **\* Hoạt động của pháp nhân**

Mọi hoạt động của pháp nhân thông qua hành vi của cá nhân - ng- ời đại diện của pháp nhân. Hành vi của những cá nhân này không phải tạo ra quyền và nghĩa vụ cho họ mà nhân danh pháp nhân tạo ra các quyền và nghĩa vụ cho pháp nhân đó. Đại diện của pháp nhân đ- ọc quy

định tại Điều 91 BLDS 2005 gồm hai hình thức : đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền.

**\* Các yếu tố lý lịch của pháp nhân**

- Điều lệ của pháp nhân
- Tên riêng
- Cơ quan điều hành của pháp nhân:
- Trụ sở của pháp nhân là nơi đặt cơ quan điều hành của pháp nhân, nơi tập
- Quốc tịch của pháp nhân
- Năng lực chủ thể của pháp nhân

**1.4.2.2 Công ty**

**1.4.2.2.1 Bản chất pháp lý của công ty**

Điều 1832 Bộ luật Dân sự Pháp xác định: “*Công ty là một kế hoạch thông qua đó hai hay nhiều người thoả thuận với nhau sử dụng tài sản hoặc khả năng của mình vào một hoạt động chung nhằm chia lợi nhuận hoặc kiếm lời có thể thu được qua hoạt động đó*”.

Về cơ bản công ty có 3 đặc điểm:

- Sự liên kết của nhiều chủ thể (cá nhân hoặc tổ chức);
- Sự liên kết được thực hiện thông qua một số sự kiện pháp lý (Điều lệ Hợp đồng hoặc Quy chế);
- Nhằm thực hiện một mục đích chung.

#### **1.4.2.2.2. Các hình thức công ty.**

D- ối góc độ pháp lý, ng- ời ta chia công ty thành hai cơ bản là các công ty đối nhân và các công ty đối vốn:

##### **a) Các công ty đối nhân.**

\* Ưu điểm

\* Hạn chế

##### **b) Công ty đối vốn.**

\* Ưu điểm

\* Hạn chế

## **CHƯƠNG II**

# **CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ THƯƠNG NHÂN**

### **2.1. Các loại hình th-ong nhân cụ thể n-ớc ta hiện nay**

#### **2.1.1. Cá nhân là th-ong nhân**

Cá nhân là th-ong nhân: là những ng-ời kinh doanh trực tiếp tham gia các hoạt động mua bán hàng hoá, có cửa hàng, cửa hiệu, có các sạp hàng, quầy hàng trong các chợ hoặc buôn chuyến.

Điều 06 Luật th-ong mại 2005 thì cá nhân, muốn trở thành th-ong nhân phải thoả mãn các điều kiện sau:

- Cá nhân từ đủ 8 tuổi trở nên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
- Có đủ điều kiện để đăng ký hoạt động th-ong mại theo luật định.

#### **\* Các tr-ờng hợp cá nhân không đ-ợc coi là th-ong nhân**

Ng-ời không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, ng-ời mất năng lực hành vi dân sự, ng-ời bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

- Ng-ời đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, ng-ời đang phải chấp hành hình phạt tù;

- Ng-ời đang trong thời gian bị Toà án t-ớc quyền hành nghề do vi phạm tội buôn lậu, buôn bán hàng cấm, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.

Cá nhân tham gia các hoạt động th-ong mại với quy mô lớn hơn (vốn đầu t- và doanh nghiệp thu lớn hơn), nếu không liên kết với cá nhân

khác để thành lập công ty, thì có thể tổ chức hoạt động kinh doanh của mình thông qua hình thức doanh nghiệp t- nhân.

Chủ doanh nghiệp t- nhân là một cá nhân duy nhất và có quyền quyết định mọi hoạt động của doanh nghiệp và chịu trách nhiệm cho mọi hoạt động của doanh nghiệp bằng tài sản của doanh nghiệp và toàn bộ tài sản riêng của mình.

Doanh nghiệp t- nhân không có t- cách pháp nhân.

### **2.1.2. Hộ gia đình là th- ong nhân:**

#### ***a) Khái niệm hộ gia đình:***

Hộ gia đình là th- ong nhân đ- ợc pháp luật quy định d- ới hình thức là Hộ kinh doanh:

- Hộ kinh doanh do một cá nhân là công dân Việt Nam hoặc một nhóm ng- ời hoặc một hộ gia đình làm chủ,
- Hộ kinh doanh Chỉ đ- ợc kinh doanh tại một địa điểm,
- Sử dụng không quá m- ời lao động,
- Không có con dấu
- Chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.

- Hộ gia đình có thể yêu cầu cơ quan Nhà n- ớc đăng ký kinh doanh khi thỏa mãn đ- ợc các yêu cầu của pháp luật. khi đó các thành viên trong gia đình không xuất hiện với t- cách cá nhân là th- ong nhân, mà hộ gia đình là th- ong nhân.

#### ***b) Năng lực chủ thể của hộ gia đình:***

Năng lực pháp luật và năng lực hành vi của hộ gia đình phát sinh đồng thời với việc hình thành hộ gia đình với t- cách chủ thể.

Tuy vậy,

- Pháp luật không quy định cách thức pháp sinh, trình tự phát sinh hay chấm dứt một hộ gia đình

- Phải căn cứ vào điều kiện thực tế tồn tại trong gia đình đó để xác nhận một hộ gia đình với t- cách chủ thể

- Hộ gia đình chỉ cần “có tài sản chung để hoạt động kinh tế chung” là có đủ t- cách là chủ thể để tham gia vào các quan hệ do pháp luật quy định.

### ***c) Hoạt động và trách nhiệm của hộ gia đình:***

- Ng- ời đại diện của hộ gia đình là “chủ hộ”;

- Chủ hộ tham gia giao dịch trực tiếp hoặc ủy quyền cho thành viên khác đại diện cho hộ gia đình tham gia vào các giao dịch th- ơng mại;

- Ng- ời đại diện xác lập, thực hiện các giao dịch làm phát sinh quyền và nghĩa vụ cho cả hộ;

- Trách nhiệm tài sản của hộ gia đình là trách nhiệm vô hạn.

\* So sánh Doanh nghiệp t- nhân và Hộ gia đình

## **2.1.3. Pháp nhân là th- ơng nhân**

### **2.1.3.1 Khái niệm**

Điều 6 Luật th- ơng mại về pháp nhân là th- ơng nhân gồm: “các tổ chức kinh tế đ- ợc thành lập hợp pháp”.

Các pháp nhân là th- ơng nhân bao gồm chủ yếu các loại sau:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn;

- Công ty Cổ phần;
- Doanh nghiệp nhà nước;
- Công ty hợp danh;

### **2.1.3.2 Các loại hình pháp nhân**

- Công ty trách nhiệm hữu hạn
  - ❖ Công ty TNHH một thành viên
  - ❖ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên
- Công ty cổ phần (CTCP)
- Doanh nghiệp nhà nước
- Công ty hợp danh

### **2.1.4. Tổ hợp tác**

#### ***a) Khái niệm tổ hợp tác.***

Theo Điều 111 BLDS 2005: “Tổ hợp tác được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác có chứng thực của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn của từ ba cá nhân trở lên, cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm là chủ thể trong các quan hệ dân sự.”

#### ***b) Năng lực chủ thể của tổ hợp tác***

Tổ hợp tác được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác để thực hiện "những công việc nhất định".

Năng lực chủ thể của tổ hợp tác là năng lực chuyên biệt - chỉ được thực hiện những công việc đã được ghi nhận trong hợp đồng hợp tác.



Năng lực chủ thể của tổ hợp tác phát sinh đồng thời với việc thành lập và chấm dứt, khi chấm dứt sự tồn tại của tổ hợp tác với t- cách là một chủ thể.

### ***c) Hoạt động và trách nhiệm của tổ hợp tác***

tổ hợp tác hoạt động thông qua ng- òi đại diện. Đại diện của tổ hợp tác là tổ tr- ởng do các thành viên bầu ra – gọi là tổ tr- ởng

Tổ tr- ởng có thể uỷ quyền cho tổ viên thực hiện một số công việc nhất định cần thiết cho tổ.

Giao dịch dân sự do ng- òi đại diện của tổ hợp tác xác lập, thực hiện vì mục đích hoạt động của tổ hợp tác theo quyết định của đa số tổ viên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của tổ hợp tác

Tài sản của tổ hợp tác đ- ợc hình thành từ việc đóng góp của các tổ viên. Tổ hợp tác chịu trách nhiệm bằng tài sản của tổ, nếu tài sản chung không đủ để thực hiện nghĩa vụ chung thì tổ viên phải chịu trách nhiệm liên đới theo phần t- ơng ứng với phần đã đóng góp bằng tài sản riêng của họ

Tổ hợp tác có đủ điều kiện để trở thành pháp nhân theo quy định của pháp luật thì đăng ký hoạt động với t- cách pháp nhân tại cơ quan nhà n- ớc có thẩm quyền

## **2.2. Quy chế pháp lý cơ bản của th- ơng nhân**

### **2.2.1. Đăng ký kinh doanh**

Đăng ký kinh doanh là một chủ thể để thực hiện quản lý Nhà n- ớc đối với các hoạt động của th- ơng nhân nhằm thống kê các dữ liệu có ý nghĩa pháp lý liên quan đến hoạt động của một th- ơng nhân, công khai hoá chúng và qua đó bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan

### **2.2.2. Trách nhiệm của th- ơng nhân**

Th- ơng nhân có những trách nhiệm sau khi thành lập và hoạt động doanh nghiệp:

- Công bố nội dung đăng ký kinh doanh
- Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký kinh doanh
- Tên th- ơng mại, biểu hiệu
- Sổ kế toán và việc l- u giữ hoá đơn, chứng từ, giấy tờ có liên quan
- Đăng ký thuế, kê khai thuế và nộp thuế
- Niêm yết giá

### **2.2.3. Quyền của th- ơng nhân**

Bên cạnh những nghĩa vụ và trách nhiệm cần thực hiện với nhà n- ớc, Th- ơng nhân có những quyền lợi nhất định khi hoạt động kinh doanh:

- Đ- ợc đặt văn phòng đại diện, chi nhánh;
- Đ- ợc mở và sử dụng tài khoản;
- Điều hành hoạt động th- ơng mại;

### **2.2.4. Tạm ngừng hoạt động th- ơng mại**

Th- ơng nhân phải niêm yết thời hạn tạm ngừng tại địa chỉ giao dịch chính thức của th- ơng nhân; nếu tạm ngừng hoạt động th- ơng mại trên 30 ngày thì ngoài việc niêm yết, th- ơng nhân phải thông báo với cơ quan Nhà n- ớc có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế.

### **2.2.5. Chấm dứt hoạt động và xoá tên đăng ký kinh doanh**

Khi việc kinh doanh không đạt hiệu quả hoặc do những điều kiện khách quan khác, th- ơng nhân muốn chấm dứt hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì cần thực hiện các thủ tục sau:

- Chấm dứt hợp đồng th- ơng mại
- Xoá đăng ký kinh doanh

## **CHƯƠNG III**

### **NHỮNG BẤT CẬP, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TH- ONG NHÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

#### **3.1. Một số bất cập và định hướng hoàn thiện pháp luật về th- ong nhân ở Việt Nam.**

*Thứ nhất*, để có một hệ thống pháp luật về th- ong nhân hoàn thiện, chúng ta cần căn cứ tr- ớc tiên vào nền kinh tế thị tr- ờng của Việt Nam.

*Thứ hai*, pháp luật về th- ong nhân là phải phù hợp với truyền thống văn hóa, kinh doanh của ng- ời Việt Nam.

*Thứ ba*, pháp luật về th- ong nhân phải đảm bảo tiết kiệm chi phí gia nhập thị tr- ờng cho các chủ thể.

*Thứ t*□ hoàn thiện pháp luật về th- ong nhân phải đ- ợc đặt trong tổng thể hoàn thiện pháp luật th- ong mại.

*Thứ năm*, Hoàn thiện pháp luật về thương nhân phải đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

#### **3.2 Một số giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện pháp luật về thương nhân ở nước ta hiện nay**

##### **\* Về cấu trúc hệ thống pháp luật về thương nhân**

Hiện nay ở nước ta pháp luật về thương nhân được quy định ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Luật Thương mại năm 2005 với tư cách là hạt nhân của pháp luật thương mại chỉ đưa ra định nghĩa về thương nhân, còn từng loại thương nhân hoạt động trong các lĩnh vực cụ thể được quy định ở các văn bản như: Luật Doanh nghiệp (quy định chung về các loại hình doanh nghiệp); Luật Hợp tác xã; Luật Các tổ chức

tín dụng; Luật Kinh doanh bảo hiểm; Luật Hàng không dân dụng; Luật Hàng hải...

### **\* Về Luật Thương mại năm 2005**

Trong hệ thống pháp luật về thương mại ở nước ta thì, Luật Thương mại năm 2005 được coi là trung tâm hay có thể gọi là luật "chung",

Từ quá trình nghiên cứu, tác giả nhận thấy, Luật Thương mại năm 2005 cần sửa đổi bổ sung những vấn đề sau:

*Thứ nhất*, về khái niệm thương nhân: Khái niệm về thương nhân trong Luật thương mại hiện nay còn nhiều vấn đề cần làm rõ

*Thứ hai*, về khái niệm hoạt động thương mại

*Thứ ba*, với tư cách là trung tâm của hệ thống pháp luật thương mại, Luật Thương mại năm 2005 cần sửa đổi, bổ sung một số vấn đề cơ bản

- Làm rõ khái niệm dịch vụ;
- Bổ sung các quy định về thương mại liên quan đến sở hữu trí tuệ và thương mại liên quan đến đầu tư.

*Thứ tư*, thừa nhận thương nhân thực tế.

*Thứ năm*, tiến tới xây dựng ban hành luật thương mại mới thay cho Luật Thương mại năm 2005. Theo tác giả luận văn, Luật này cần tập trung quy

### **\* Về Luật Doanh nghiệp năm 2014**

Dựa trên cơ sở Luật Doanh nghiệp năm 2005, Luật Doanh nghiệp 2014 mới ra đời nhằm cập nhật về vấn đề thương nhân vẫn chưa được hạn chế hoàn toàn, cụ thể như sau:

### *Thứ nhất, về ph<sup>o</sup>ng pháp tiếp cận*

Cách tiếp cận của Luật Doanh nghiệp 2014 hiện nay vẫn có khuynh hướng tách bạch với Luật thương mại 2005 nên không tiếp cận khái niệm doanh nghiệp theo khái niệm thương nhân và quy chế thương nhân.

*Thứ hai*, Luật doanh nghiệp cần bổ sung loại hình thương nhân là hộ kinh doanh thành một chương trong luật doanh nghiệp.

### **\* Về Bộ luật Dân sự 2005**

Bằng những thay đổi trong Bộ Luật Dân sự 2015, pháp luật đã đưa ra những thay đổi phù hợp, phần nào giải quyết được những hạn chế trong quy chế về thương nhân của Bộ luật dân sự 2005.

## KẾT LUẬN

Bằng các quy định pháp luật của mình, th-ong mại đã góp phần giải phóng và tạo điều kiện thuận lợi nhất để mọi lực l-ợng, mọi tiềm năng có thể tham gia vào hoạt động th-ong mại có hiệu quả nhất.

- Luật th-ong mại đã, đang và sẽ thu hút ngày càng nhiều các chủ thể tham gia với t- cách là th-ong nhân trong và ngoài n-ớc vào hoạt động th-ong mại, phát huy đ-ợc nội lực trong n-ớc.

Thông qua quá trình nghiên cứu đề tài "*Chế định Th-ong nhân ở Việt Nam*", luận văn mong muốn đạt đ-ợc những kết quả sau:

- Giúp cho việc hiểu đ-ợc một cách cơ bản nhất sự tồn tại, phát triển của các quy định pháp luật về th-ong nhân .

- Đ- a ra những nhận thức về những đóng góp quan trọng mà các quy định pháp luật về th-ong nhân đem lại cho nền kinh tế n-ớc ta.

- Và khẳng định thêm một lần nữa, với những gì mà pháp luật đem lại, công dân sẽ ngày càng thực hiện quyền làm chủ của mình, đ-ợc tạo những điều kiện thuận lợi nhất khi tham gia th-ong tr-ởng.

- Đ- a ra một số kiến nghị và đề ra các giải pháp hoàn thiện một số quy định pháp luật liên quan đến quy chế và hoạt động của th-ong nhân.

- Sau nữa, việc nghiên cứu đề tài còn nhằm mục đích giúp cho sự hiểu biết của bản thân và có thể là tất cả những ai quan tâm đến việc tìm hiểu, thực hiện hoặc áp dụng đạo luật này trong thực tế.